

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Phê duyệt Chiến lược phát triển Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam đến 2030 và định hướng đến năm 2045**

#### **BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

*Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Nghị quyết 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Căn cứ Nghị quyết 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Căn cứ Kết luận số 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Nghị quyết 120/NQ-CP, ngày 17/11/2017 của Chính phủ về Phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu;*

*Căn cứ Quyết định 254/QĐ-TTg ngày 22/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục nhiệm vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 07/01/2020, của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt chiến lược Chiến lược thủy lợi Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Căn cứ Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 17/3/2021, của Thủ tướng Chính phủ, Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022, của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn*

2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 569/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 11/5/2022 về phê duyệt chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 3919/QĐ-BNN-TCCB ngày 12/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam;

Căn cứ Quyết định số 2956/QĐ-BNN-TCCB ngày 29/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Sửa đổi Khoản 2, Điều 3, Quyết định số 3919/QĐ-BNN-TCCB ngày 12/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam tại Tờ trình số 312/TTr-QHLMN ngày 18/11/2022 về việc đề nghị phê duyệt Chiến lược phát triển Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam đến 2030 và định hướng đến năm 2045;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Vụ trưởng Vụ Tài Chính, Vụ trưởng Vụ Tổ chức Cán bộ, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Chiến lược phát triển Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam đến 2030, định hướng đến năm 2045 với các nội dung sau đây:

### **I. MỤC TIÊU**

#### **1. Mục tiêu tổng quát**

a) Xây dựng Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam trở thành đơn vị sự nghiệp công lập hàng đầu, có trình độ tiên tiến ở khu vực phía Nam về tư vấn thiết kế quy hoạch thủy lợi và quy hoạch phòng chống thiên tai, dịch vụ sự nghiệp công và điều tra cơ bản trong lĩnh vực thủy lợi, phòng chống thiên tai, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

b) Góp phần thúc đẩy ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, lĩnh vực thủy lợi và phòng chống thiên tai cả nước ta phát triển theo hướng hiện đại, linh hoạt, đảm bảo chủ động cấp, thoát nước, phòng, chống thiệt hại do thiên tai.

#### **2. Mục tiêu cụ thể**

a) Về tổ chức bộ máy

Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu quả, tự chủ nguồn kinh phí hoạt động. Từng bước phát triển Viện thành đơn vị tư vấn quy hoạch thủy lợi hàng đầu khu vực phía Nam, ứng dụng công nghệ tiên tiến, cung cấp những sản phẩm đa dạng và chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội về dịch vụ ngành nước, góp phần phát triển khoa học và công nghệ ngành thủy lợi và khẳng định vị thế của khoa học, kỹ thuật thủy lợi Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.

*b) Về đội ngũ cán bộ*

Xây dựng được đội ngũ cán bộ, viên chức đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, trong đó chú trọng các cán bộ khoa học đầu ngành, có năng lực chuyên môn sâu và chuyển tiếp liên tục giữa các thế hệ. Đảm bảo đến năm 2030, toàn bộ cán bộ lãnh đạo các phòng, Trung tâm trực thuộc có học vị thạc sĩ trở lên, trên 35% cán bộ kỹ thuật có trình độ chuyên môn thạc sĩ, trong số đó 8-10% có trình độ tiến sĩ; trong từng lĩnh vực có ít nhất 01 cán bộ khoa học có uy tín, trình độ chuyên môn ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực và quốc tế.

*c) Về cơ sở vật chất*

- Đến năm 2030, toàn bộ các dự án đầu tư của Viện đều được triển khai theo đúng tiến độ, các phòng quy hoạch, điều tra khảo sát và phần mềm kỹ thuật chuyên ngành được đầu tư nâng cấp và hoàn thiện đáp ứng yêu cầu khảo sát kỹ thuật thủy văn, địa hình, địa chất giai đoạn thiết kế quy hoạch thủy lợi và phòng chống thiên tai, nhiệm vụ sự nghiệp công lĩnh vực thủy lợi và chuẩn bị dự án khả thi công trình thủy lợi và phòng chống thiên tai; các thiết bị phòng thí nghiệm chất lượng nước và môi trường được đầu tư nâng cấp và đổi mới đạt tiêu chuẩn VIMCERTS; diện tích phòng làm việc cho nhân viên đạt tiêu chuẩn.

- Đến năm 2045, Viện có được cơ sở vật chất và trang thiết bị phòng thí nghiệm tiên tiến ngang tầm khu vực và quốc tế.

*d) Về sản phẩm dịch vụ tư vấn thiết kế quy hoạch, dịch vụ sự nghiệp công, khảo sát kỹ thuật và khoa học-công nghệ*

Số lượng nhiệm vụ quy hoạch phòng chống thiên tai và thủy lợi lưu vực sông, quy hoạch hệ thống thủy lợi liên tỉnh, phương án thủy lợi và phòng chống thiên tai các tỉnh, đề tài khoa học công nghệ phòng chống thiên tai và thủy lợi các cấp được giao chủ trì thực hiện tăng trung bình 5% mỗi năm, tỷ lệ kết quả các nhiệm vụ quy hoạch, dịch vụ sự nghiệp công và nghiên cứu khoa học công nghệ có sản phẩm là đồ án quy hoạch thủy lợi, quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi, dự báo và đánh giá nguồn nước đều được áp dụng tiến bộ kỹ thuật..., được ứng dụng vào thực tiễn đạt 90% vào năm 2025, đạt trên 95% năm 2030 và ít nhất 60% kết quả tư vấn,

nghiên cứu được cấp thẩm quyền phê duyệt, công nhận tiến bộ kỹ thuật hoặc công nhận, công bố lưu hành;

### **III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM**

#### **1. Hoàn chỉnh tổ chức bộ máy và phát triển nguồn nhân lực**

##### *a) Tổ chức bộ máy*

- Giai đoạn đến năm 2030: Tiếp tục kiện toàn tổ chức Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam và các đơn vị trực thuộc theo hướng gọn về tổ chức, mạnh về chuyên môn, nâng cao hiệu quả nghiên cứu và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, thông qua việc rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức trong toàn hệ thống Viện phù hợp với Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; Nghị quyết 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; Nghị quyết 465-NQ/BCS ngày 28/02/2018 của Ban Cán sự Đảng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW.

- Xây dựng trình Bộ phê duyệt đề án vị trí việc làm; quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức theo ngạch, số lượng viên chức theo chức danh nghề nghiệp và người lao động theo phân cấp quản lý của Bộ và quy định của pháp luật.

##### *b) Phát triển nhân lực*

- Giai đoạn đến năm 2030: Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua đào tạo trong và ngoài nước, xây dựng cơ chế thu hút nguồn lực cán bộ tư vấn, nghiên cứu chất lượng cao và cơ chế chính sách phối hợp, cộng tác với chuyên gia, cán bộ khoa học đầu ngành ở trong nước và quốc tế và củng cố, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ quản lý, hành chính, dịch vụ, phục vụ... đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ của Viện trong từng giai đoạn phát triển.

- Giai đoạn 2031 - 2045: Tiếp tục xây dựng và phát triển nguồn nhân lực khoa học công nghệ theo hướng chuyên sâu, trong đó có những chuyên gia đầu ngành ngang tầm quốc tế.

##### *c) Phát triển cơ sở vật chất*

- Giai đoạn đến năm 2030: Đầu tư phát triển đồng bộ cơ sở vật chất kỹ thuật cho các đơn vị, Trung tâm trực thuộc đáp ứng yêu cầu quy hoạch thủy lợi, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, trình diễn và chuyển giao công nghệ, tiến bộ kỹ thuật gắn với đào tạo nguồn nhân lực khoa học công nghệ trong lĩnh vực thủy lợi, trong đó ưu tiên đầu tư trang thiết bị cho các đơn vị, phòng thí nghiệm trung tâm.

- Giai đoạn 2031- 2045: Tiếp tục đầu tư xây dựng các đơn vị, Trung tâm trực thuộc thành Viện đạt trình độ ngang tầm các nước trong khu vực và thế giới.

## **2. Thực hiện nhiệm vụ thiết kế quy hoạch**

a) Về nghiên cứu, thiết kế quy hoạch, rà soát, điều chỉnh quy hoạch:

- Quy hoạch ngành quốc gia: Quy hoạch phòng chống thiên tai và thủy lợi;

- Quy hoạch có tính chất chuyên ngành: Quy hoạch thủy lợi các lưu vực sông và hệ thống thủy lợi liên tỉnh; Phương án phòng, chống thiên tai và thủy lợi tỉnh;

- Quy hoạch phòng, chống lũ các tuyến sông có đê;

- Quy hoạch đê điều: Quy hoạch đê biển và đê cửa sông, Quy hoạch đê bao, đê bối, đê chuyên dùng;

- Quy hoạch tài nguyên nước, quy hoạch hạ tầng liên quan đến kỹ thuật tài nguyên nước.

b) Quản lý quy hoạch

- Theo dõi, đánh giá việc thực hiện các quy hoạch lưu vực sông nhánh thuộc hệ thống sông;

- Kiến nghị việc giải quyết tranh chấp về tài nguyên nước trong lưu vực sông;

- Phối hợp với Văn phòng thường trực Ủy ban sông Mê Công Việt Nam nghiên cứu kiến nghị với Ủy ban sông Mê Công Việt Nam trong việc hợp tác quốc tế quản lý, khai thác tài nguyên nước và tài nguyên có liên quan trong lưu vực sông Mê Công.

- Phối hợp với các cơ quan hữu quan của các Bộ, ngành và địa phương trong việc điều tra cơ bản, kiểm kê, đánh giá tài nguyên nước của lưu vực sông Đồng Nai, trong việc lập, trình duyệt và theo dõi việc thực hiện các quy hoạch lưu vực sông nhánh thuộc hệ thống sông Đồng Nai; Kiến nghị việc giải quyết tranh chấp về tài nguyên nước trong lưu vực sông Đồng Nai.

c) Thẩm định các dự án quy hoạch thủy lợi và phòng chống thiên tai và các quy hoạch, dự án khác;

## **3. Thực hiện nhiệm vụ dịch vụ công và điều tra cơ bản**

a) Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các tỉnh giao, đặt hàng hoặc đấu thầu

- Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp;

- Dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng tổng hợp nguồn nước, phục vụ chỉ đạo điều hành cấp nước cho sản xuất nông nghiệp các lưu vực sông;

- Thống kê, thông tin, xây dựng bản đồ thuộc lĩnh vực thủy lợi, phòng chống thiên tai;

- Điều tra, đánh giá quy hoạch và chiến lược thuộc lĩnh vực thủy lợi, phòng chống thiên tai;

- Thu thập số liệu, số hóa, phân tích để dự báo, cảnh báo về rủi ro thiên tai và khai thác, sử dụng nguồn nước.

b) Xây dựng quy trình vận hành các công trình hoặc hệ thống công trình thủy lợi phục vụ phát triển kinh tế xã hội, phòng chống thiên tai, bảo vệ và phát triển nguồn nước.

c) Điều tra cơ bản:

- Điều tra về hiện trạng số lượng, chất lượng và năng lực phục vụ của công trình thủy lợi; nhu cầu sử dụng sản phẩm dịch vụ thủy lợi;

- Điều tra hiện trạng cơ cấu tổ chức; cơ chế chính sách trong hoạt động thủy lợi;

- Điều tra, đánh giá tác động của công trình thủy lợi đến môi trường và đời sống người dân;

- Điều tra, thu thập thông tin quan trắc, giám sát về số lượng, chất lượng nước, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, sa mạc hóa, lũ, ngập lụt, úng, bồi lắng, xói lở công trình thủy lợi và bờ sông, bờ biển.

d) Khảo sát địa hình, địa chất thủy văn, địa chất công trình, khí tượng, thủy văn, hải văn, nguồn nước, chất lượng nước, môi trường sinh thái nguồn nước;

đ) Thực hiện quan trắc môi trường nước trên các lưu vực sông, hệ thống kênh mương, các hồ chứa, công trình thủy lợi, vùng ven biển hải đảo phục vụ cho yêu cầu sử dụng, bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên nước của ngành Thủy lợi;

e) Khảo sát chất lượng nước phục vụ nhu cầu dùng nước của các ngành kinh tế và dân sinh; quan trắc chất lượng nước và dự báo sự lan truyền ô nhiễm nguồn nước phục vụ công tác quy hoạch, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước;

g) Điều tra, giám sát và đánh giá các tác động đến chất lượng nước, môi trường sinh thái trong vùng ảnh hưởng của các công trình thủy lợi, các công trình kiểm soát nguồn nước phục vụ bảo vệ và phát triển bền vững nguồn nước;

h) Cập nhật cơ sở dữ liệu điều tra cơ bản.

#### **4. Thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và đào tạo**

a) Thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ các lĩnh vực liên quan đến quy hoạch thủy lợi, sử dụng, bảo vệ và phát triển nguồn nước, môi trường và chất lượng nước; các dự án sông liên quốc gia theo phân công của Bộ trưởng và quy định của pháp luật.

b) Xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; định mức kinh

té, kỹ thuật, quy trình, quy phạm, hướng dẫn kỹ thuật thuộc nhiệm vụ của Viện theo quy định của pháp luật;

c) Tính toán thủy lực, cân bằng nước nhằm bảo vệ và phát triển bền vững nguồn nước, môi trường và chất lượng nước;

d) Thực hiện nghiên cứu khoa học công nghệ, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học, công nghệ thủy lợi, bảo vệ nguồn nước và phát triển nông thôn;

d) Đánh giá tác động môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, tư vấn giám sát môi trường, nghiên cứu đánh giá về trữ lượng, chất lượng nước mặt và nước ngầm, môi trường sinh thái nguồn nước cho lưu vực sông, dự báo khả năng lan truyền gây ô nhiễm các nguồn nước và biện pháp xử lý;

e) Nghiên cứu áp dụng các quy trình xử lý cấp nước sinh hoạt và xử lý nước thải;

g) Phối hợp, thực hiện hợp tác với các tổ chức quốc tế về nghiên cứu khoa học, công nghệ, dự án quản lý tài nguyên nước, thủy lợi;

h) Cập nhật sổ sở dữ liệu khoa học, công nghệ và môi trường.

i) Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về điều tra, quy hoạch thủy lợi, quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn theo quy định của pháp luật và phân công của Bộ trưởng.

### **5. Thực hiện nhiệm vụ tư vấn xây dựng thủy lợi và hợp tác quốc tế**

a) Cung cấp các dịch vụ tư vấn về quy hoạch, khảo sát, thiết kế, lập dự án đầu tư, thẩm tra, thẩm định, giám sát thi công, quản lý dự án, kiểm tra chất lượng công trình thủy lợi, thủy sản, thủy điện, giao thông, đê điều, hệ thống cấp thoát nước khu dân cư, phòng chống giảm nhẹ thiên tai, bảo vệ khu dân cư, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, xử lý nước thải, rác thải, diêm nghiệp, đánh giá tác động môi trường, phát triển sản xuất nông nghiệp kết hợp với nuôi trồng thủy sản; đánh giá tác động môi trường, đánh giá môi trường chiến lược phù hợp với năng lực hành nghề, nguồn vốn và trang thiết bị của Viện theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng và quy định khác của pháp luật liên quan.

- Lập dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công các công trình xây dựng;

- Tư vấn trong lĩnh vực thủy văn và môi trường;

- Tính toán thủy văn, thủy lực công trình, đánh giá tác động môi trường của công trình và hệ thống công trình;

- Tư vấn lập dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công các công trình thủy lợi, công trình bảo vệ bờ sông, bờ biển, công trình thủy điện, cầu đường giao thông, công trình kết cấu hạ tầng, công trình xây

dựng dân dụng, công trình nuôi trồng thủy sản, công trình cấp thoát nước đô thị và khu dân cư nông thôn;

- Tư vấn thẩm định dự án quy hoạch, dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật và bản vẽ thi công các công trình thủy lợi, thủy điện, cầu, đường giao thông, công trình bảo vệ bờ, công trình cấp thoát nước đô thị, công trình kỹ thuật hạ tầng, công trình dân dụng;

- Thẩm định các tài liệu tính toán về thủy văn thủy lực, ổn định, kết cấu các công trình xây dựng và môi trường;

- Tư vấn giám sát thi công xây dựng, giám sát, quan trắc môi trường các công trình thủy lợi, thủy điện, cầu, đường giao thông, công trình bảo vệ bờ, công trình cấp thoát nước đô thị, công trình kỹ thuật hạ tầng, công trình dân dụng;

- Tư vấn lập quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi, hồ chứa thủy điện, hệ thống cấp thoát nước;

- b) Hợp tác quốc tế, liên doanh, liên kết với các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước trong lĩnh vực quy hoạch, quản lý nguồn nước, bảo vệ môi trường và các chương trình, đề án, dự án, đề tài nghiên cứu liên quan về nguồn nước, chất lượng nước, phòng chống giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu theo quy định của pháp luật và quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- c) Thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai các tỉnh, thành phố phía Nam theo phân công của Bộ trưởng.

- d) Tham gia công tác phân giới cắm mốc và những vấn đề liên quan đến nguồn nước xuyên biên giới theo phân công của Bộ trưởng.

### **III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

#### **1. Giải pháp về công tác tổ chức**

- a) Tiếp tục triển khai Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động của Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam giai đoạn 2021-2025 và giai đoạn 2026-2030” đảm bảo tinh gọn, nâng cao hiệu quả, hiệu lực, tránh trùng lặp, chồng chéo giữa các đơn vị.

- b) Rà soát, xây dựng và đề xuất Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức các đơn vị trực thuộc bảo đảm tính hệ thống trong toàn Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

- c) Tiếp tục xây dựng và triển khai lộ trình tự chủ theo hướng dẫn tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

- d) Xây dựng phương án hoạt động cho từng đơn vị;

## **2. Giải pháp về nguồn nhân lực**

a) Rà soát, xác định vị trí việc làm của cán bộ viên chức phù hợp với chức năng nhiệm vụ của các đơn vị và Trung tâm trực thuộc của Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam, trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt và tổ chức thực hiện;

b) Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực lĩnh vực thiết kế quy hoạch, tư vấn, điều tra khảo sát, phân tích thí nghiệm có tính chuyên nghiệp; nhân lực khoa học công nghệ trình độ cao theo chuyên ngành đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm của các cán bộ quy hoạch, tư vấn và khoa học dưới hình thức gửi đào tạo nước ngoài, đào tạo tập trung trong nước và đào tạo thông qua hợp tác quốc tế, đặc biệt trong các lĩnh vực quy hoạch thủy lợi, tư vấn, chuyển giao công nghệ ngành nước.

c) Có cơ chế đặc thù về việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động tư vấn, dịch vụ sự nghiệp công, khoa học và công nghệ trong ngành thủy lợi để nâng cao chất lượng và củng cố số lượng nguồn nhân lực khoa học, công nghệ chất lượng cao.

d) Tăng cường nguồn lực từ hợp tác quốc tế thông qua các dự án hợp tác song phương và đa phương để chuyên gia vào làm việc tại Viện. Tranh thủ mọi nguồn lực để có các tình nguyện viên quốc tế đến làm việc cho Viện.

d) Tiếp tục rà soát, đào tạo, bồi dưỡng nguồn cán bộ lãnh đạo có đủ điều kiện và tiêu chuẩn, năng lực theo quy định.

e) Bảo đảm thu nhập, chế độ đãi ngộ phù hợp để cán bộ, viên chức của Viện có thể toàn tâm, toàn ý phục vụ cho sự nghiệp phát triển của Viện.

g) Nâng cao chất lượng cán bộ thông qua đánh giá theo trách nhiệm, năng lực và hiệu quả công việc của cán bộ, viên chức.

## **3. Giải pháp về tăng cường cơ sở vật chất**

Từ nay đến năm 2025 trình Bộ chủ quản phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện dự án đầu tư nâng cấp trụ sở, tăng cường trang thiết bị và phần mềm kỹ thuật cho Viện và các đơn vị thuộc Viện nhằm nâng cao năng lực khảo sát, nghiên cứu, phân tích, thí nghiệm phục vụ công tác lĩnh vực quy hoạch, dịch vụ công, điều tra cơ bản, góp phần phục vụ công tác quản lý nhà nước về thủy lợi và phòng chống thiên tai khu vực phía Nam.

## **4. Giải pháp về thực hiện hiệu quả quy hoạch, kế hoạch**

a) Viện xây dựng kế hoạch trung và dài hạn về hoạt động tư vấn, dịch vụ công, khoa học công nghệ, sản xuất kinh doanh và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất của Viện và các đơn vị trực thuộc.

b) Quản lý đầu tư và mua sắm cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ cho công tác quy hoạch thủy lợi, dịch vụ công, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, đào tạo và hợp tác quốc tế.

c) Khai thác hiệu quả các nguồn kinh phí từ các hoạt động Hợp tác quốc tế, các nhiệm vụ khoa học công nghệ các cấp để nâng cấp, hoàn thiện cơ sở, trang thiết bị tư vấn, nghiên cứu cho các đơn vị.

d) Tiếp tục xây dựng và phát triển các trung tâm để hỗ trợ hoạt động quản lý nhà nước, đáp ứng nhu cầu phát triển của Viện.

## **5. Giải pháp về quản lý hoạt động thiết kế quy hoạch, dịch vụ sự nghiệp công, điều tra cơ bản và khoa học và công nghệ**

a) Tiếp tục hoàn thiện Quy chế quản lý hoạt động thiết kế quy hoạch, dịch vụ sự nghiệp công, điều tra cơ bản, khoa học và công nghệ phù hợp với tình hình mới và phân cấp ủy quyền của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn;

b) Tổ chức đặt hàng các nhiệm vụ và sản phẩm quy hoạch, sự nghiệp công, điều tra cơ bản, khoa học và công nghệ trên cơ sở chiến lược, định hướng của Bộ, ngành, địa phương, kế hoạch trung, dài hạn của Viện và thực tế sản xuất;

c) Tổ chức tư vấn thiết kế quy hoạch, tư vấn xây dựng thủy lợi, điều tra cơ bản và dịch vụ sự nghiệp công, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ theo nhóm công tác, đảm bảo tập hợp được những nhà khoa học xuất sắc nhất của các đơn vị trong Viện. Nhóm công tác để xuất nhiệm vụ nghiên cứu triển khai và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ sau khi được phê duyệt.

d) Xây dựng chương trình nghiên cứu cho một số lĩnh vực quy hoạch thủy lợi, an ninh nguồn nước và an toàn hồ đập, đề xuất Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đưa vào kế hoạch và lộ trình bố trí nguồn lực giải quyết các vấn đề quan trọng, bức xúc của thực tiễn sản xuất.

## **6. Giải pháp về tăng cường hội nhập và hợp tác quốc tế**

a) Mở rộng hợp tác quốc tế với các tổ chức tài trợ, tư vấn, khoa học công nghệ nước ngoài và tổ chức quốc tế, bao gồm cả các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam để tiếp cận công nghệ mới, thu hút chuyên gia, học tập kinh nghiệm, kiến thức mới và đào tạo cán bộ tư vấn chuyên nghiệp và khoa học công nghệ trình độ cao, đồng thời mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế với các quốc gia, các tổ chức quốc tế để chuyển giao công nghệ, tiến bộ kỹ thuật tiên tiến của Việt Nam cho các nước khu vực và thế giới.

b) Xây dựng các nhiệm vụ hợp tác quốc tế song phương và đa phương, tìm kiếm nguồn tài trợ để thực hiện, bao gồm cả các dự án phối hợp và cùng chia sẻ kinh phí.

c) Khai thác hiệu quả nguồn kinh phí của đối tác nước ngoài để tăng cường, nâng cấp cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật phục vụ nghiên cứu và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật mới. Khuyến khích và tạo điều kiện để các cán bộ khoa học, tư vấn quy

hoạch và xây dựng thủy lợi Việt Nam tham gia các mạng lưới khoa học công nghệ quốc tế.

### **7. Giải pháp về cải tiến cơ chế điều hành**

a) Tiếp tục đánh giá thường xuyên hệ thống tổ chức nhằm phát hiện những bất cập về mô hình cũng như cơ chế điều hành để đề xuất phương án điều chỉnh thích hợp.

b) Xây dựng và đề xuất Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành cơ chế quản lý của Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam đối với các đơn vị trực thuộc đảm bảo giảm thủ tục hành chính và tạo điều kiện tối đa cho Viện và các đơn vị trực thuộc hoạt động thống nhất, đồng bộ và hiệu quả.

c) Nâng cao năng lực quản lý hệ thống của Văn phòng Viện, đảm bảo kết nối nhanh, và xử lý hiệu quả các thủ tục hành chính, văn bản chỉ đạo điều hành của Viện và các đơn vị trực thuộc. Nâng cao tính chủ động, linh hoạt của các đơn vị trực thuộc khi được phân cấp, giao quyền tự chủ.

d) Công tác xây dựng kế hoạch, kiểm tra phải được tổ chức liên tục, tránh tập trung vào thời gian ngắn cuối năm để đảm bảo thực hiện hiệu quả các ưu tiên được nêu trong Chiến lược phát triển của Viện.

đ) Nâng cao chất lượng thẩm định, kiểm tra, đánh giá và nghiệm thu nhiệm vụ, đề tài, dự án bằng hình thức tư vấn chuyên gia và thành lập các Hội đồng.

### **8. Giải pháp về truyền thông và chuyển giao công nghệ**

a) Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu của Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam về quy hoạch hệ thống thủy lợi ở 23 tỉnh thành phía Nam.

b) Triển khai số hoá các kết quả nghiên cứu và ứng dụng hiệu quả thành tựu của cách mạng công nghệ lần thứ 4 để tổng hợp số liệu, thông tin, tra cứu và khai thác, sử dụng và chuyển giao kết quả khoa học công nghệ.

c) Đẩy mạnh công tác công bố khoa học, ấn phẩm về công nghệ, tiến bộ kỹ thuật mới trên các trang Web, tạp chí bản in, bản điện tử, báo viết, báo hình và các phương tiện truyền thông khác để quảng bá các kết quả nghiên cứu cho sản xuất.

d) Xây dựng, triển khai văn phòng điện tử đồng bộ trong toàn Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam và tổ chức khai thác có hiệu quả trong quản lý điều hành.

### **9. Đổi mới cơ chế tài chính**

a) Xây dựng quy chế đăng ký, tiếp thị sản phẩm dịch vụ công tạo ra sản phẩm để thu phí sử dụng dịch vụ hoặc hợp tác với các doanh nghiệp, chuyên giao cho nông dân nhằm tăng nguồn thu cho Viện;

b) Xây dựng cơ chế tạo sự chủ động về tài chính cho các đơn vị phù hợp theo hướng đầu tư lâu dài và bền vững cho dịch vụ tư vấn, nghiên cứu khoa học và phát

triển công nghệ nhằm hình thành và phát triển các dịch vụ tư vấn, dịch vụ công, công nghệ mũi nhọn của Viện; rà soát, điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ cho các hoạt động chung của Viện;

c) Lập kế hoạch quản lý, khai thác hiệu quả nguồn vốn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Viện cho phát triển các dịch vụ công, dịch vụ khoa học công nghệ nhằm tạo ra các dịch vụ thường xuyên và công nghệ mũi nhọn.

d) Xây dựng quy chế huy động, khai thác nguồn vốn, trong đó phối hợp với doanh nghiệp để tăng nguồn lực tài chính tạo điều kiện cho triển khai ứng dụng các sản phẩm dịch vụ công, sản phẩm khoa học và công nghệ của Viện;

## **10. Kinh phí thực hiện chiến lược**

Kinh phí thực hiện các nội dung Chiến lược được bố trí từ các nguồn: Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Viện; tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cho thiết kế quy hoạch, dịch vụ sự nghiệp công, điều tra cơ bản, sự nghiệp khoa học công nghệ và các đề tài, dự án...

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam có trách nhiệm:

a) Xây dựng kế hoạch chi tiết để triển khai thực hiện Chiến lược;

b) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc xây dựng và trình Viện trưởng phê duyệt Chiến lược phát triển của đơn vị đến 2030 và định hướng đến năm 2045;

c) Định kỳ hàng năm báo cáo Bộ về kết quả thực hiện Chiến lược của Viện và của các đơn vị;

d) Điều chỉnh và trình Bộ phê duyệt Chiến lược sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam thực hiện tốt Chiến lược.

### **Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành.**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Viện trưởng Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam và Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Các Thứ trưởng;
- Các Cục: TL, PCTT, QLXDCT;
- Các Vụ: KHCNMT, TCCB, KH, HTQT, TC, PC;
- Lưu: VT, KHCN (50b).



Phùng Đức Tiến

**Phụ lục:**

**DANH MỤC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM**  
**BAN HÀNH KEM THEO CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN VIỆN QUY HOẠCH**  
**THỦY LỢI MIỀN NAM GIAI ĐOẠN ĐẾN 2030, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2045**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5215/QĐ-BNN-KHCN ngày 30 tháng 12 năm 2022  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Cơ quan phê duyệt	Thời gian hoàn thành
I	<b>Hoàn thiện tổ chức</b>			
1	Triển khai Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động của Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam giai đoạn 2021-2025 và giai đoạn 2026-2030”	Viện QHTLMN và các đơn vị trực thuộc Viện	Bộ NN&PTNT	2030
2	Chiến lược phát triển của các đơn vị trực thuộc Viện giai đoạn đến 2030 và định hướng đến năm 2045	Các đơn vị trực thuộc Viện QHTLMN	Viện QHTLMN	2023-2024
3	Xây dựng đề án tự chủ các Trung tâm trực thuộc Viện	Viện QHTLMN	Bộ NN&PTNT	2026-2030
II	<b>Cơ chế quản lý, phát triển nguồn lực</b>			
1	Xây dựng đề án phát triển nguồn nhân lực của Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam	Viện QHTLMN và các đơn vị trực thuộc Viện	Viện QHTLMN	2023-2024
III.	<b>Các dự án đầu tư</b>			
1	Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam giai đoạn 2021 – 2025	Viện QHTLMN	Bộ NN&PTNT	2022-2025
2	Tăng cường năng lực Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam giai đoạn 2021 – 2025	Viện QHTLMN	Bộ NN&PTNT	2025-2030
3	Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị của một số đơn vị nghiên cứu trực thuộc Viện	Các đơn vị thuộc Viện	Bộ NN&PTNT	2023-2030
IV	<b>Quản lý dịch vụ thiết kế quy hoạch, dịch vụ công, tư vấn và khoa học công nghệ</b>			

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Cơ quan phê duyệt	Thời gian hoàn thành
1	Xây dựng đề án nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học công nghệ của Viện	Viện QHTLMN	Viện QHTLMN	2023-2024
2	Xây dựng các nhiệm vụ quy hoạch thủy lợi và phòng chống thiên tai các lưu vực sông, hệ thống thủy lợi liên tỉnh, quy hoạch đê điề	Viện QHTLMN	Bộ NN&PTNT	Định kỳ 5 năm
3	Xây dựng các nhiệm vụ điều tra cơ bản và dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực thủy lợi	Viện QHTLMN	Bộ NN&PTNT	Hàng năm
4	Xây dựng các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ lĩnh vực thủy lợi, phòng chống thiên tai, an ninh nguồn nước	Viện QHTLMN	Bộ NN&PTNT	Hàng năm
V	<b>Cơ chế tài chính</b>			
1	Xây dựng cơ chế tạo sự chủ động về tài chính cho các đơn vị công lập	Viện QHTLMN	Viện QHTLMN và các đơn vị trực thuộc Viện	2023-2024
2	Rà soát, điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ cho các hoạt động chung của Viện	Viện QHTLMN	Viện QHTLMN và các đơn vị trực thuộc Viện	Hàng năm
3	Xây dựng quy chế đăng ký, tiếp thị sản phẩm dịch vụ công tạo ra sản phẩm để thu phí sử dụng dịch vụ hoặc hợp tác với các doanh nghiệp	Viện QHTLMN	Viện QHTLMN và các đơn vị trực thuộc Viện	2023-2025
VI	<b>Đào tạo và truyền thông</b>			
1	Xây dựng và đưa vào hoạt động Văn phòng điện tử Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam	Viện QHTLMN và các đơn vị trực thuộc Viện	Viện QHTLMN	2023-2024
2	Xây dựng kế hoạch đề án tăng cường chất lượng, quy hoạch và dịch vụ công, công nghệ thông tin, truyền thông của Viện	Viện QHTLMN	Viện QHTLMN	2023-2025